

Bản án số: **274/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/7/2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Võ Thanh Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 538/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Tấn A, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim B, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Đường D1, Phường E1, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Tấn A trình bày:

Ông và bà Trần Thị Kim B tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và chung sống với nhau tại địa chỉ Đường

D, Phường E, Quận F. Sau đó, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, cách suy nghĩ và hành động của hai bên không thống nhất, nên thường xuyên cãi vã. Mặc dù, giữa ông và bà B đã nhiều lần tìm cách hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2004, ông và bà B đã không còn chung sống với nhau cho đến nay. Vào khoảng năm 2019, ông A có khởi kiện xin ly hôn với bà B và được Tòa án động viên đoàn tụ gia đình, nên ông A đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, giữa ông A và bà B không thể hàn gắn được cũng như không có liên lạc và quan tâm với nhau.

Nay ông Trần Tấn A xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Kim B.

- Về con chung: Ông Trần Tấn A và bà Trần Thị Kim B chung sống với nhau có 01 con chung tên là Trần Thị Thanh C, sinh ngày 28/12/2001 đã trưởng thành.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung: Ông Trần Tấn A khai nhận không có.

Bị đơn bà Trần Thị Kim B đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng tại Tòa án nhiều lần để ghi lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Thành vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Ông Trần Tấn A có đơn xin vắng mặt. Bà Trần Thị Kim B đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Tấn A; Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành, nên không xem xét; Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét hôn nhân giữa ông Trần Tấn A và bà Trần Thị Kim B đã được Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 49, quyển số 01.97 ngày 20/11/1997. Ông A yêu cầu ly hôn với bà B, nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn;

Hiện nay, bà B đang cư trú tại Quận 4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Ông Trần Tấn A có đơn xin vắng mặt và bà Trần Thị Kim B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01.97 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/1997, cùng lời khai của ông Trần Tấn A về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Trần Tấn A và bà Trần Thị Kim B là hôn nhân hợp pháp.

Nay ông Trần Tấn A yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Kim B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa ông A và bà B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã không còn quan tâm và chung sống với nhau từ năm 2004 cho đến nay. Mặc dù, kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện không tiến hành giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa ông A và bà B. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập bà B tham gia tố tụng nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho ông A và bà B cùng nhau khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bà B không còn tha thiết gì cuộc hôn nhân này, không có thiện chí đoàn tụ và tiếp tục chung sống với ông A. Đồng thời, năm 2019 ông A có khởi kiện xin ly hôn với bà B và được Tòa án động viên đoàn tụ gia đình, nên ông A đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, giữa ông A và bà B không thể hàn gắn được.

Xét hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Đây là quyền và nghĩa vụ vợ chồng đã được pháp luật ghi nhận. Đối chiếu với cuộc sống hôn nhân giữa ông A và bà B, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông A và bà B không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân này không có điều kiện xây dựng vun đắp lại tình cảm. Do đó, ông A yêu cầu ly hôn với bà B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 01, quyền số 01/2002 ngày 10/01/2002 của Ủy ban nhân dân Phường R, Quận T có đủ cơ sở xác định ông Trần Tấn A và bà Trần Thị Kim B chung sống với nhau có 01 con chung tên là Trần Thị Thanh C, sinh ngày 28/12/2001. Xét con chung đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Trần Tấn A khai nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Tấn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn A về việc xin ly hôn với bà Trần Thị Kim B.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tấn A được ly hôn với bà Trần Thị Kim B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 01.97, quyền số 49 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4 cấp ngày 20/11/1997).

- Về con chung: Ông Trần Tấn A và bà Trần Thị Kim B có 01 con chung tên là Trần Thị Thanh C, sinh ngày 28/12/2001 đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Trần Tấn A khai nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Tấn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0024714 ngày 12/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- UBND Phường 9, Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Tấn Phát